TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 612/2019/DS-PT
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp thừa kế*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1589/2019/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tường V, sinh năm 1981, cư trú tại: 15912 Topaz Street Westminster CA 92683, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Trần Thạch T, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Ben Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1953, cư trú tại: số nhà A, Khu phố C, phường K, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phương Văn T

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1976;

2. Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại: số nhà A, Khu phố C, phường K, thành phố Ben Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị D: Bà Trần Thị Thanh T.

3. Uỷ ban nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật của Uỷ ban nhân dân thành phổ Bến Tre là: Ông Cao Thành H - chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Thành H là: Ông Nguyễn Quốc K - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ben Tre.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị Thùy D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tổ tụng nguyên đơn chị Trần Thị Tường V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thạch T trình bày:

Ông Trần Văn N và bà Lê Thị T là vợ chồng, trong quá trình chung sống ông N, bà T có tạo lập được khối tài sản là phần đất thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Phần đất này có diện tích 577 m^2, sau đó vào năm 2011 ông N và bà T đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác nên diện tích còn lại là 449,9 m^2, ngoài ra ông N, bà T còn có số tiền gửi tiết kiệm là 90.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á- Chi nhánh Bến Tre. Do ông N, bà T không có con nên ông N đã nhận chị Trần Thị Tường V làm con nuôi và nuôi dưỡng chị V từ khi chị được 02 tuổi cho đến khi trưởng thành và đến năm 1998 thì ông N có đến ủy ban nhân dân xã P, huyện T để thực hiện thủ tục nhận chị V nuôi.

Năm 2012, thì ông N chết không để lại di chúc, sau đó bà T tự ý làm thủ tục nhận thừa kế toàn bộ di sản của ông N để lại mà không thông báo cho chị V biết. Sau khi nhận toàn bộ di sản của ông N, bà T đã thực hiện chuyển nhượng thửa số 106, tờ bản đồ số 11 cho anh Nguyễn Anh T (cháu ruột của bà T). Phần đất này hiện nay được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Anh T, sau đó nhà nước thu hồi một phần diện tích là 85,2 m^2 để mở rộng đường Nguyễn Huệ và anh T đã nhận số tiền bồi thường phần đất bị giải tỏa là 398.736.000 đồng. Do chị V là con nuôi của ông N, trong khi ông N không có con ruột nên hàng thừa kế thứ nhất của ông N là chị V và bà T. Do đó, chị V yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn N để lại, chị V yêu cầu nhận 1/4 phần đất thửa số 106, tờ bản đồ số 11.

Phần đất thửa số 106, tờ bản đồ số 11 anh T đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất nên chị yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T, buộc anh T, chị D giao lại cho bà 1/4 thửa đất số 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Ben Tre và 1/4 số tiền 398.736.000 đồng đã được nhà nước bồi thường. Đối với phần di sản của ông N là số tiền gửi tiết kiệm 90.000.000 đồng tại Ngân hàng thì bà T đã rút hết, chị V không yêu cầu bà T phải chia cho chị phần này mà chị giao cho bà T toàn bộ vì bà T đã chăm sóc cho ông N khi ông N bị bệnh.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy D là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về phần di sản của ông Trần Văn N để lại gồm có số tiền 90.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng và phần đất diện tích 449,9 m^2, thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Phần đất này anh đã nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị T với số tiền 100.000.000 đồng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 2014 và hiện nay do anh đang quản lý, sử dụng. Hiện nay, phần đất này đã bị nhà nước thu hồi diện tích 85,2 m^2 và đã bồi thường số tiền 398.736.000 đồng cho anh T.

Chị Trần Thị Tường V được ông N, bà T nhận nuôi từ khi chị V được 02 tuổi và chị V đã sống với ông N, bà T từ khi nhận nuôi là có thật, nhưng khi nhận nuôi không có làm giấy tờ gì. N 1998, ông N có đến ủy ban nhân dân xã Sơn Phú để làm thủ tục nhận chị V làm con nuôi nhưng lúc này chị V đã trên 15 tuổi nên việc nhận chị V làm con nuôi là không đúng với quy định pháp luật cho nên chị V không phải là con nuôi của ông N. Vì vậy, chị V không có quyền thừa kế đối với phần di sản cho ông N để lại.

Năm 2014, do không biết giấy nhận con nuôi của ông N đối với chị V là không hợp pháp nên bà T có yêu cầu Uỷ ban nhân dân phường Phú Khương hỗ trợ phân chia di sản thừa kể của ông N cho chị V được nhận 1/4 diện tích đất tranh chấp nhưng không thống nhất được với ông Trần Thạch T là người được chị V ủy quyền nên việc phân chia không thành. Do đang cần tiền nên bà T đã làm thủ tục để được nhận toàn bộ di sản của ông N sau đó chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho anh T. Khi anh T nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre từ bà T thì anh cũng biết đây là di sản của ông N và biết việc chị V được ông N nhận nuôi. Tuy nhiên, đất đã được cấp cho bà T nên anh vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất này. Do anh đã nhận chuyển nhượng phần đất này và đã tu bổ, cất nhà kiên cố nên không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của chị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T và anh Nguyễn Anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên Ủy ban nhân dân thành

phố Bến Tre không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng Điều 288, 611, 612, 623, 650, 651, 658, 660, 688 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tường V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02322 ngày 12/02/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố Bến Tre cho anh Nguyễn Anh T đối với thửa đất 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thừa kế của bà Trần Thị Tường V.

Buộc bà Lê Thị T, anh Nguyễn Anh T, chị Lê Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Tường V 1/4 thửa đất 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bằng giá trị với số tiền 619.105.500 (Sáu trăm mười chín triệu một trăm linh năm nghìn năm trăm) đồng.

Anh T, chị D được quyền sử dụng thửa đất 106, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại: Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số CH 02322 ngày 12/02/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2018 bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T, bà Lê Thị Thuỳ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà bà T, ông T, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; yêu cầu cụ thể : không đồng ý chia thừa kế cho bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, tách hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và ông T thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của luật sư, đại diện Viện kiểm sát, đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về thời hiệu, về việc xét xử vắng mặt, hoà giải vắng mặt các đương sự đã được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành theo quy định tại Khoản 3,5,11 Điều 26; Khoản 3 Điều 35; Khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, đ khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Lê Thị T trình bày việc tiến hành khai nhận di sản thừa kế, việc tiến hành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với vợ chồng anh T, chị D đều do một mình anh T lừa dối bà để làm và hiện nay anh T và bà đang mâu thuẫn nhau. Qua lời trình bày của bà T tại phiên toà xét thấy, việc toà án cấp sơ thẩm chấp nhận anh Nguyễn Anh T là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị T trong khi quyền lợi giữa bà T và anh T đang đối lập nhau là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, tại phiên toà phúc thẩm, bà T thừa nhận chị V là con nuôi của bà T và ông N. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh, nên toà án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho chị V là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, việc toà án cấp sơ thẩm chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và bà T và xác định anh T, chị D có một phần lỗi trong giao dịch chuyển nhượng QSDĐ trên, buộc anh T, chị D có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả cho chị V ¼ giá trị di sản trên vì anh T, chị D biết rõ phần di sản trên của ông N để lại và ông N có nhận chị V làm con nuôi, nhưng đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất di sản trên từ một mình bà T, (do giấy chứng nhận QSDĐ chỉ mình bà T đứng tên) là vượt quá phạm vi xét xử theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Bởi lẽ, giao dịch chuyển nhượng QSDĐ giữa anh T, chị D với bà T là một quan hệ pháp luật khác, giữa các bên đương sự trong vụ án này không ai có yêu cầu toà án xem xét quan hệ pháp luật này. Nếu muốn xem xét thì phải có yêu cầu của đương sự và có nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật. Cho nên, việc toà án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết như trên là không đúng quy định pháp luật vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, để đảm bảo giải quyết triệt để vụ án thì cần thiết phải huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ, nên bà T, anh T, chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị T, anh Nguyễn Anh T, chị Lê Thị Thuỳ D không chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, anh T và chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008171 ngày 07/12/2018, số 0008197 ngày 31/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Bến Tre (1);
– VKSND tỉnh Bến Tre (1);
– Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
– Các đương sự (5);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(5),18b (MTTT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên